

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1348**/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **19** tháng **12** năm **2012**

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Hội thông qua ngày 04 tháng 7 năm 2012.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Bộ Y tế;
- Bộ Công an;
- Lưu: VT, TCCP.



Nguyễn Tiến Dinh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



(phê duyệt kèm theo Quyết định số 1348/QĐ-BNV ngày 19 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Dân tộc Việt Nam vốn giàu lòng yêu nước và truyền thống nhân ái. Càng trong hoạn nạn khó khăn, tinh thần đó càng được nhân lên gấp bội. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam ra đời nhằm kế tục và phát huy truyền thống nhân ái tốt đẹp của dân tộc.

Hội Chữ thập đỏ Việt Nam (sau đây viết tắt là Hội) được thành lập ngày 23 tháng 11 năm 1946, là thành viên Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế từ ngày 01 tháng 11 năm 1957, thành viên Hiệp hội Chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế từ ngày 04 tháng 11 năm 1957 và là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và làm Chủ tịch danh dự đầu tiên của Hội. Người dạy cán bộ, hội viên: *"Phải xuất phát từ tình yêu thương nhân dân tha thiết mà góp phần bảo vệ sức khỏe nhân dân và làm mọi việc có thể làm được để giảm bớt đau thương cho họ"*.

Ghi nhớ và thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các thế hệ cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh niên, thiếu niên (sau đây viết tắt là thanh, thiếu niên) Chữ thập đỏ ra sức xây dựng Hội Chữ thập đỏ Việt Nam ngày càng vững mạnh, chuyên nghiệp, đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì mục đích nhân đạo, hoà bình, hữu nghị của Phong trào Chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế.

Bước vào thời kỳ mới, với những thời cơ và thách thức mới, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tiếp tục phát huy bản chất tốt đẹp của tổ chức nhân đạo chuyên nghiệp, không ngừng đổi mới, nỗ lực vượt qua khó khăn, tham gia thực hiện có hiệu quả chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

Chương I
TÊN GỌI, TÊN CHỈ, MỤC ĐÍCH, LĨNH VỰC
VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 1. Tên gọi, trụ sở, tư cách pháp nhân

1. Tên gọi: Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Red Cross Society (viết tắt là VNRC).

3. Trụ sở của Trung ương Hội đặt tại Hà Nội, Thủ đô nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

1. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam là tổ chức xã hội hoạt động nhân đạo theo pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế, nguyên tắc cơ bản của Phong trào Chữ thập đỏ và Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế, các điều ước quốc tế khác về hoạt động nhân đạo mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và theo Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Hội tập hợp mọi người Việt Nam, không phân biệt thành phần dân tộc, tôn giáo, giới tính để làm công tác nhân đạo.

2. Mục đích cao cả của Hội là nhân đạo, hoà bình, hữu nghị, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Điều 3. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động của Hội

1. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nhân đạo, tham gia thực hiện hoặc phối hợp với tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động chữ thập đỏ.

2. Hội hoạt động trong phạm vi cả nước theo Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước Việt Nam, Điều lệ Hội và 7 nguyên tắc cơ bản của Phong trào Chữ thập đỏ, Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế: Nhân đạo, Vô tư, Trung lập, Độc lập, Tự nguyện, Thống nhất, Toàn cầu.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 4. Nhiệm vụ của Hội

1. Tuyên truyền, vận động cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ và các tầng lớp nhân dân trong và ngoài nước tham gia các hoạt động nhân đạo của Hội, các hoạt động chữ thập đỏ về cứu trợ khẩn cấp và trợ giúp nhân đạo; tham gia phòng ngừa, ứng phó thảm họa; chăm sóc sức khoẻ dựa vào cộng đồng; vận động hiến máu nhân đạo, hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác; sơ cấp cứu ban đầu; tìm kiếm tin tức thân nhân thất lạc do chiến tranh, thiên tai, thảm họa.

2. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh; tuyên truyền các giá trị nhân đạo; vận động xây dựng quỹ hoạt động chữ thập đỏ; tham mưu, với Đảng, Nhà nước trong hoạt động nhân đạo; hợp tác quốc tế về hoạt động nhân đạo.

Điều 5. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội và cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh, thiếu niên Chữ thập

đó; phổ biến kiến thức, cung cấp thông tin, tập huấn nghiệp vụ công tác Hội cho cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh thiếu niên Chữ thập đỏ; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội; tham gia thực hiện một số dịch vụ công thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật; tham gia xây dựng và thực hiện các dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện xã hội các chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội; tiếp nhận tài trợ, tổ chức các hoạt động gây quỹ theo quy định của pháp luật; được cấp kinh phí hoạt động và kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Nhà nước giao; được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội, không được lợi dụng hoạt động Hội làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; hoạt động ở lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động đó; báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng cấp; chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật; sử dụng kinh phí thu được theo quy định của pháp luật; tập hợp, nghiên cứu ý kiến, kiến nghị của cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ để tham gia tư vấn, phản biện xã hội các nội dung liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội và tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Chương III **NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI**

Điều 6. Tổ chức của Hội Chữ thập đỏ

1. Hội Chữ thập đỏ (được tổ chức), bao gồm:

- a) Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam;
- b) Hội Chữ thập đỏ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- c) Hội Chữ thập đỏ huyện, quận và tương đương;
- d) Hội Chữ thập đỏ xã, phường và tương đương.

Việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể đối với tổ chức Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các loại hình tổ chức Hội khác:

a) Hội được thành lập các chi hội trực thuộc, hội đồng hoặc ban bảo trợ hoạt động Chữ thập đỏ, các đội ứng phó thảm họa, đội sơ cấp cứu Chữ thập đỏ, đội khám chữa bệnh Chữ thập đỏ lưu động, các câu lạc bộ và các loại hình hoạt động nhân đạo khác theo quy định của pháp luật.

b) Các loại hình tổ chức Hội quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 6 do Hội thành lập trực tiếp lãnh đạo, quản lý theo đúng tôn chỉ, mục đích của Hội và quy định của pháp luật.

c) Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam hướng dẫn việc thành lập

và tổ chức hoạt động của các loại hình tổ chức Hội quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 6.

Điều 7. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội

1. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc dân chủ, hiệp thương, thống nhất hành động theo Điều lệ Hội và 07 (bảy) nguyên tắc cơ bản của Phong trào Chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế.

2. Hoạt động của Hội được thực hiện theo nguyên tắc: Tự nguyện, không vụ lợi; công khai, minh bạch, đúng mục đích, đúng đối tượng, kịp thời và hiệu quả; không phân biệt đối xử, phù hợp với truyền thống nhân ái của dân tộc; tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế về hoạt động nhân đạo mà Việt Nam là thành viên; sử dụng biểu tượng Chữ thập đỏ.

3. Cơ quan lãnh đạo của Hội thực hiện theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

4. Nghị quyết và quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội chỉ có giá trị thi hành khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ tán thành.

Điều 8. Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội nhiệm kỳ qua và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Hội nhiệm kỳ tới;

b) Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội;

c) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Trung ương Hội;

2. Khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ Việt Nam hoặc quá 1/2 (một phần hai) các tỉnh, thành Hội là hội viên đề nghị thì Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ Việt Nam triệu tập đại hội đại biểu toàn quốc bất thường.

3. Thành phần, số lượng đại biểu dự đại hội đại biểu toàn quốc và đại hội đại biểu toàn quốc bất thường do Ban Chấp hành Hội quyết định.

4. Đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu chỉ được tổ chức khi có trên 2/3 (hai phần ba) số hội viên chính thức hoặc có trên 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt.

Điều 9. Đại hội các cấp của Hội

1. Đại hội đại biểu cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương được tổ chức 5 năm một lần; đại hội cấp cơ sở được tổ chức 5 năm một lần dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội chi hội đặc thù và tổ chức Hội trong trường học do Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam quy định.

2. Đại hội các cấp có nhiệm vụ:

- a) Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của cấp Hội nhiệm kỳ qua và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của cấp Hội nhiệm kỳ tới;
- b) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;
- c) Góp ý các văn kiện đại hội cấp trên (nếu có) và bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Điều 10. Nguyên tắc biểu quyết tại đại hội

- 1. Đại hội thực hiện biểu quyết bằng hình thức giơ tay.
- 2. Việc biểu quyết thông qua các quyết định của đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 11. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Hội

- 1. Ban Chấp hành Hội cấp nào do đại hội cấp đó bầu ra, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của mỗi cấp Hội giữa hai kỳ đại hội.

Cơ cấu, số lượng ủy viên Ban Chấp hành cấp nào do đại hội cấp đó quyết định. Đại hội các cấp ủy quyền Ban Chấp hành cùng cấp khi cần thiết được bầu thêm ủy viên Ban Chấp hành nhưng không quá 10% (mười phần trăm) số ủy viên Ban Chấp hành do đại hội cấp đó quyết định.

- 2. Ban Thường vụ cấp nào do Ban Chấp hành cấp đó bầu ra, là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành. Cơ cấu, số lượng ủy viên Ban Thường vụ cấp nào do Ban Chấp hành cấp đó quyết định, nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành cấp đó.

- 3. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các cấp Hội được cơ cấu đại diện các ngành, đoàn thể, tổ chức kinh tế, xã hội, cá nhân tiêu biểu trên cơ sở hiệp thương với cá nhân và tổ chức có đại diện tham gia.

- 4. Việc công nhận Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra theo quy định của tổ chức Hội.

5. Thường trực Ban Chấp hành, Ban Thường vụ các cấp Hội:

- a) Ở Hội Chữ thập đỏ Việt Nam: Chủ tịch, Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký, các Phó Chủ tịch, Phó Tổng Thư ký là Thường trực của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

- b) Ở cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực là bộ phận thường trực của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành cùng cấp.

- c) Ở cơ sở: Chủ tịch, Phó chủ tịch là bộ phận thường trực của Ban Chấp hành. Ban Chấp hành chỉ hội bầu Chi Hội trưởng, Chi Hội phó. Tổ hội bầu Tổ Hội trưởng, Tổ Hội phó.

- d) Thường trực Hội cấp nào có nhiệm vụ và quyền hạn thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp đó chỉ đạo, điều hành, giải quyết mọi công việc của Hội giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trên cơ sở chủ trương,

ng nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp đó và báo cáo kết quả công việc với Ban Chấp hành và Ban Thường vụ trong kỳ họp gần nhất.

6. Ban Chấp hành các cấp khi khuyết uỷ viên thì được bầu bổ sung nhưng không được quá 1/3 (một phần ba) số uỷ viên do Đại hội quyết định.

Điều 12. Chủ tịch danh dự của Hội

1. Các cấp Hội được mời Chủ tịch danh dự.

2. Việc mời Chủ tịch danh dự cấp nào do Đại hội hoặc Ban Chấp hành cấp đó quyết định trong nhiệm kỳ Đại hội của cấp đó.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

1. Lãnh đạo toàn Hội thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc, tham mưu với Đảng và Nhà nước lãnh đạo, quản lý công tác nhân đạo và hoạt động của Hội; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, ngành, đoàn thể, các cấp chính quyền, các tổ chức, cá nhân trong hoạt động nhân đạo.

2. Đánh giá kết quả công tác hàng năm và quyết định chương trình công tác năm tới của toàn Hội.

3. Bầu Ban Thường vụ Hội; bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký, các Phó Chủ tịch, Phó Tổng Thư ký trong số uỷ viên Ban Thường vụ Hội. Số lượng Phó Chủ tịch, Phó Tổng Thư ký, uỷ viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quyết định.

4. Kiện toàn Ban Kiểm tra Hội trong trường hợp khuyết Trưởng ban, Phó Trưởng ban hay uỷ viên Ban Kiểm tra.

5. Ban Chấp hành Hội họp định kỳ ít nhất một lần trong năm. Nếu quá 2/3 (hai phần ba) số uỷ viên Ban Chấp hành đề nghị thì Ban Thường vụ triệu tập hội nghị Ban Chấp hành bất thường.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

1. Thay mặt Ban Chấp hành Hội lãnh đạo mọi mặt công tác của Hội giữa hai kỳ hội nghị Ban Chấp hành.

2. Quyết định các chủ trương, biện pháp và tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết, của Ban Chấp hành Hội.

3. Quy định việc đóng và sử dụng hội phí.

4. Tổng kết mô hình, chuyên đề và các hoạt động của Hội.

5. Quy định công tác Thi đua - Khen thưởng của Hội.

6. Ban Thường vụ Hội họp định kỳ ít nhất 6 (sáu) tháng một lần.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

1. Thay mặt Ban Thường vụ Hội chỉ đạo, điều hành, giải quyết mọi công việc của Hội giữa hai kỳ họp của Ban Thường vụ và báo cáo kết quả công việc

với Ban Thường vụ trong kỳ họp gần nhất.

2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chủ trương công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

3. Quyết định các biện pháp để kịp thời vận động, trợ giúp đồng bào trong nước và nhân dân các nước khác khi thiên tai, thảm họa xảy ra, gây hậu quả nghiêm trọng.

4. Chỉ đạo việc tiếp nhận, quản lý, phân phối và sử dụng các nguồn cứu trợ, viện trợ.

5. Thay mặt Ban Thường vụ Hội quy định hiện vật khen thưởng và quyết định các hình thức khen thưởng của Hội.

6. Giữ mối liên hệ và đại diện cho Hội trong các quan hệ đối nội và đối ngoại.

7. Lãnh đạo, quản lý, điều hành cơ quan Hội; xây dựng cơ quan Hội vững mạnh.

8. Tuỳ theo nhu cầu, Thường trực Hội lập các ban, đơn vị và trung tâm trực thuộc theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương

1. Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương bầu Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực trong số ủy viên Ban Thường vụ. Số lượng Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường vụ cấp nào do Ban Chấp hành cấp đó quyết định.

2. Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ cấp tỉnh được lập các ban, đơn vị và trung tâm trực thuộc theo quy định của pháp luật.

3. Kiện toàn Ban Kiểm tra Hội cấp mình trong trường hợp khuyết Trưởng ban, phó trưởng ban hay ủy viên Ban Kiểm tra.

4. Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương có nhiệm vụ:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra cấp dưới thực hiện Nghị quyết Đại hội cấp mình và các chủ trương công tác của Hội cấp trên;

b) Đánh giá kết quả công tác theo định kỳ và quyết định chương trình công tác tới;

c) Thông qua việc thu, chi, tiếp nhận, phân phối, sử dụng tiền, hàng cứu trợ, viện trợ (nếu có).

d) Chỉ đạo xây dựng quỹ Hội, thu và sử dụng hội phí;

5. Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương họp định kỳ ít nhất 6 tháng một lần.

Điều 17. Hội Chữ thập đỏ cơ sở

1. Hội Chữ thập đỏ cơ sở là nền tảng của Hội, được thành lập ở xã, phường và tương đương.

2. Hội Chữ thập đỏ cơ sở gồm các chi hội; chi hội có từ 50 hội viên trở lên, các hội viên hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau thì thành lập các tổ hội

thuộc chỉ hội.

3. Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ cơ sở, Ban Chấp hành chỉ Hội có nhiệm vụ:

a) Tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội cấp mình và các chủ trương công tác của ban chấp hành Hội cấp trên;

b) Liên hệ mật thiết, động viên, khuyến khích và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, tình nguyện viên, thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ;

c) Xây dựng quỹ hội, phát triển hội viên, tình nguyện viên và xây dựng tổ chức Hội cơ sở vững mạnh.

4. Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ cơ sở, Ban Chấp hành chỉ hội họp định kỳ ít nhất 3 tháng một lần.

Chương IV

BIỂU TRƯNG, BÀI HÁT CHÍNH THỨC, ĐỒNG PHỤC CỦA HỘI

Điều 18. Biểu trưng của Hội

1. Hội có Biểu trưng riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

2. Biểu trưng của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam do Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ Việt Nam quyết định.

3. Biểu trưng của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam được đăng ký mẫu tại Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế, Hiệp hội chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế; được thông báo tới các Hội Chữ thập đỏ, Hội Trăng lưỡi liềm đỏ, Hội Pha lê đỏ các nước và các tổ chức liên quan khác ở trong và ngoài nước.

4. Mọi vi phạm trong việc sử dụng Biểu trưng Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đều bị xử lý theo quy định của Hội và pháp luật.

Điều 19. Bài hát chính thức của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

1. Bài hát “Sức mạnh của nhân đạo”, nhạc và lời: nhạc sỹ Phạm Tuyên là bài hát chính thức của Hội.

2. Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam hướng dẫn sử dụng Bài hát chính thức của Hội.

Điều 20. Đồng phục và thẻ hội viên, thẻ tình nguyện viên Chữ thập đỏ

1. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam sử dụng đồng phục, thẻ hội viên, thẻ tình nguyện viên Chữ thập đỏ thống nhất trong toàn quốc.

2. Ban Thường vụ Hội quy định mẫu đồng phục và thẻ hội viên, thẻ tình nguyện viên Chữ thập đỏ.

Chương V

HỘI VIÊN, TÌNH NGUYỆN VIÊN VÀ THANH, THiếu NIÊN CHỮ THẬP ĐỎ

Điều 21. Hội viên

1. Những công dân Việt Nam đủ 16 tuổi trở lên, tán thành Điều lệ Hội, tự

nguyên gia nhập Hội, đóng hội phí, tham gia sinh hoạt trong tổ chức của Hội được công nhận là hội viên của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

2. Các cấp Hội được mời những người có uy tín, tâm huyết, có điều kiện tham gia công tác nhân đạo làm hội viên danh dự của Hội. Hội viên danh dự không phải đóng hội phí và không tham gia biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành Điều lệ và các nghị quyết của Hội; tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội trong các tầng lớp nhân dân; giúp đỡ và vận động giúp đỡ những người khó khăn; tham gia xây dựng Hội vững mạnh; thường xuyên tham gia sinh hoạt, hoạt động Hội; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn.

2. Được ứng cử, đề cử vào ban lãnh đạo Hội.

3. Được đề xuất, thảo luận, biểu quyết và giám sát các công việc của Hội.

4. Được sinh hoạt, hoạt động, được cung cấp thông tin về Hội.

5. Được Hội bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp và giúp đỡ khi gặp khó khăn.

6. Đóng hội phí theo quy định.

7. Trong khi tham gia hoạt động Chữ thập đỏ, hội viên bị thiệt hại về tài sản, tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì được Hội Chữ thập đỏ các cấp đề nghị giải quyết chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Tình nguyện viên Chữ thập đỏ

1. Tình nguyện viên Chữ thập đỏ là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên tuân thủ Điều lệ Hội, các nguyên tắc cơ bản của Phong trào Chữ thập đỏ, Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế và các quy định tại Quy chế tình nguyện viên Chữ thập đỏ Việt Nam; có khả năng và điều kiện tham gia các hoạt động nhân đạo do Hội tổ chức.

2. Tình nguyện viên Chữ thập đỏ có thể là hội viên hoặc không phải là hội viên; tự nguyện đăng ký tham gia thực hiện các hoạt động chữ thập đỏ phù hợp với khả năng, điều kiện của bản thân và đáp ứng các nhiệm vụ cụ thể của cấp Hội nơi tình nguyện viên Chữ thập đỏ sinh sống, công tác.

3. Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam quy định nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của tình nguyện viên Chữ thập đỏ.

Điều 24. Thanh niên Chữ thập đỏ

1. Thanh niên Chữ thập đỏ gồm những thanh niên là hội viên hoặc không phải là hội viên, từ đủ 16 đến 30 tuổi, tích cực tham gia các hoạt động của Hội, có điều kiện, kỹ năng và tự nguyện tham gia hoạt động thanh niên Chữ thập đỏ.

2. Các cấp Hội phối hợp với các ngành, đoàn thể liên quan tập hợp thanh niên tham gia các hoạt động nhân đạo nhằm giáo dục lòng nhân ái cho thanh niên và xây dựng Hội vững mạnh.

3. Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam quy định nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của thanh niên Chữ thập đỏ.

Điều 25. Thiếu niên Chữ thập đỏ

1. Thiếu niên Chữ thập đỏ là thiếu niên Việt Nam, từ đủ 9 đến 16 tuổi; tự nguyện và có điều kiện, khả năng tham gia hoạt động Chữ thập đỏ.

2. Tổ chức và hoạt động, quyền và nghĩa vụ của thiếu niên Chữ thập đỏ do Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam phối hợp với các ngành, đoàn thể liên quan hướng dẫn cụ thể.

Chương VI CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA HỘI

Điều 26. Ban Kiểm tra các cấp của Hội

1. Ban Kiểm tra của Hội được bầu tại Đại hội Hội cùng cấp. Ban Kiểm tra mỗi cấp gồm Trưởng ban là ủy viên Ban Thường vụ, một số ủy viên Ban Chấp hành và một số ủy viên không là ủy viên Ban Chấp hành. Việc kiện toàn Ban Kiểm tra khi khuyết ủy viên do Ban Chấp hành cùng cấp quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng cấp.

2. Ban Kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

a) Tham mưu cho cấp Hội cùng cấp về công tác kiểm tra của Hội và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ.

b) Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Hội; việc thu và sử dụng hội phí; các hoạt động kinh tế, tài chính; việc tiếp nhận, phân phối, sử dụng tiền, hàng cứu trợ, viện trợ; phát hiện những diễn hình tiêu cực, mô hình tốt để nhân ra diện rộng.

c) Kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức Hội cấp dưới.

d) Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ.

Điều 27. Nguyên tắc, lề lối làm việc của Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra các cấp làm việc theo chế độ tập thể.

2. Thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với Ban Kiểm tra được áp dụng như đối với tổ chức Hội cùng cấp.

3. Thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với ủy viên Ban Kiểm tra được áp dụng như đối với ủy viên Ban Chấp hành Hội cùng cấp.

Chương VII TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 28. Tài chính của Hội

1. Kinh phí hoạt động của Hội được hình thành từ các nguồn:

a) Hội phí của hội viên;

- b) Ủng hộ của tổ chức, cá nhân;
- c) Ngân sách nhà nước;
- d) Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện việc vận động, tiếp nhận, vận chuyển, phân phối tiền, hiện vật cứu trợ và các nhiệm vụ khác do nhà nước giao.

e) Các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Các khoản chi:

a) Chi cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Hội được quy định tại Điều 4 của Điều lệ này;

b) Chi lương, phụ cấp và chi phí quản lý hành chính khác của cấp Hội;

c) Các khoản chi hợp lệ khác.

3. Việc quản lý, sử dụng tài chính của Hội được thực hiện theo các quy định của Nhà nước, của Trung ương Hội và nhà tài trợ; đảm bảo công khai, minh bạch và được kiểm toán theo quy định.

Điều 29. Tài sản và việc lập Quỹ của Hội

1. Hội có tài sản riêng và được mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

2. Hội được lập Quỹ hoạt động chữ thập đỏ theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động nhân đạo, bao gồm: Quỹ cứu trợ khẩn cấp chữ thập đỏ; Quỹ trợ giúp nhân đạo chữ thập đỏ; Quỹ Bảo trợ nạn nhân chất độc da cam và các quỹ thành phần chữ thập đỏ khác.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT CỦA HỘI

Điều 30. Khen thưởng của Hội

1. Tổ chức Hội và cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào Chữ thập đỏ thì được Hội khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước, các cấp chính quyền và các tổ chức liên quan khác khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam quy định công tác thi đua-khen thưởng của Hội.

Điều 31. Kỷ luật của Hội

1. Cán bộ, hội viên và tổ chức Hội vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội, làm tổn hại đến danh dự, uy tín của Hội thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà áp dụng một trong các hình thức kỷ luật:

a) Đối với cán bộ: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi Hội;

b) Đối với hội viên: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội;

c) Đối với tổ chức Hội: khiển trách, cảnh cáo, đề nghị cấp có thẩm quyền giải tán tổ chức đó.

2. Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam quy định về kỷ luật của Hội và hình thức kỷ luật đối với tình nguyện viên, thanh thiếu niên Chữ thập đỏ.

Chương IX **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 32. Sửa đổi và hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung và thông qua Điều lệ Hội.

Điều lệ Hội và các nội dung sửa đổi được thông báo cho Hiệp Hội Chữ thập đỏ, Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế và Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế.

2. Ban Thường vụ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam hướng dẫn chi tiết thực hiện Điều lệ Hội.

Điều 33. Hiệu lực thực hiện Điều lệ Hội

1. Điều lệ này gồm 9 (chín) Chương và 33 (ba mươi ba) Điều đã được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Hội Chữ thập đỏ Việt Nam vào ngày 04 tháng 7 năm 2012 và có hiệu lực kể từ ngày được Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Mọi cán bộ, hội viên, tình nguyện viên, thanh, thiếu niên và các cấp Hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Hội./.